

Số: /QĐ-ĐHBK

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tiếp nhận sinh viên quốc tế vào học tập nghiên cứu

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Bách khoa Hà Nội do Hội đồng đại học ban hành theo Nghị quyết số 40/NQ-ĐHBK ngày 02 tháng 12 năm 2024;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và quản lý đào tạo của Đại học Bách khoa Hà Nội do Giám đốc ban hành theo Quyết định số 8460/QĐ-ĐHBK ngày 20 tháng 08 năm 2024;

Căn cứ Quy chế đào tạo của Đại học Bách khoa Hà Nội do Giám đốc ban hành theo Quyết định số 5445/QĐ-ĐHBK ngày 28 tháng 5 năm 2025;

Căn cứ Tờ trình số 54/TTr-HTĐN ngày 02/07/2026 của Ban Hợp tác đối ngoại về việc tiếp nhận sinh viên quốc tế vào học tập nghiên cứu tại Đại học Bách khoa Hà Nội;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng ý tiếp nhận 150 sinh viên quốc tế vào học tập nghiên cứu tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Điều 2. Sinh viên có trách nhiệm đến Ban Hợp tác đối ngoại và Đơn vị tiếp nhận làm các thủ tục tiếp theo.

Điều 3. Các Ông, Bà Trưởng các Ban Đào tạo, Hợp tác đối ngoại, Công tác sinh viên, Văn phòng đại học, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ và Hỗ trợ Bách khoa, Trưởng các đơn vị đào tạo có liên quan và các sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

GS.TS. Vũ Văn Yêm

Phụ lục
DANH SÁCH TIẾP NHẬN SINH VIÊN QUỐC TẾ
SANG TRAO ĐỔI TẠI ĐHBK HÀ NỘI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026-2027
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHBK ngày tháng năm)

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
1	Maximilian Michael Harald SCHUBERT	Nam	02/01/2003	Đức	Đại học TU Munich (Đức)	CFJX97JYT	20260001S	CTTT Phân tích Kinh Doanh	18/08/2026 - 01/02/2027
2	Colin LY	Nam	15/06/2003	Đức	Đại học TU Munich (Đức)	CH1HZLWYV	20260002S	CTTT Phân tích Kinh Doanh	18/08/2026 - 01/02/2027
3	Tim FIEDLER	Nam	08/05/2001	Đức	Đại học TU Dresden (Đức)	C7YCPZ3Y6	20260003S	CTTT Logistics và Quản lý Chuỗi Cung Ứng	18/08/2026 - 01/02/2027
4	Nina KLEEMANN	Nữ	05/10/2001	Đức	Đại học TU Dresden (Đức)	C2MKJ9L5Y	20260004S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
5	Martin Gerd KNOLL	Nam	27/11/2000	Đức	Đại học TU Dresden (Đức)	CCHNKCMH1	20260005S	CTTT Cơ điện tử	18/08/2026 - 01/02/2027
6	Flora Lina ÜREGI	Nữ	04/05/2004	Đức	Đại học TU Dresden (Đức)	CCJV3MY4	20260006S	CTTT Kỹ thuật thực phẩm	18/08/2026 - 01/02/2027
7	Noah FILIPEK	Nam	09/09/2003	Đức	Đại học TU Dresden (Đức)	C13T4HVF1	20260007S	CTTT Logistics và Quản lý Chuỗi Cung Ứng	18/08/2026 - 01/02/2027
8	Paul Yannik Frieß	Nam	29/04/2003	Đức	Đại học FH-Aachen (Đức)	C86HW8W8Z	20260008S	CTTT Phân tích Kinh Doanh	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
9	Agitan THIRUCHSELVAM	Nam	19/11/2004	Đức	Đại học Khoa học Ứng dụng Munich - HM (Đức)	CH1HGR94N	20260009S	Global ICT	07/08/2026 - 01/02/2027
10	LÂM Tâm Phương	Nam	22/04/2004	Đức	Đại học Khoa học Ứng dụng Munich - HM (Đức)	CH1HKNGWX	20260010S	CTTT Logistics và Quản lý Chuỗi Cung Ứng	18/08/2026 - 01/02/2027
11	Jonas Michael GRIEBHABER	Nam	26/11/2000	Đức	Đại học Khoa học Ứng dụng Dresden – HTW Dresden (Đức)	CCHY73JXG	20260011S	CTTT Phân tích Kinh Doanh	18/08/2026 - 01/02/2027
12	Keno HERZOG	Nam	13/06/2005	Đức	Đại học Khoa học Ứng dụng Dresden – HTW Dresden (Đức)	C2MKJ6N9X	20260012S	CTTT Hoá dược	18/08/2026 - 01/02/2027
13	Amelie Louisa Kühlcke	Nữ	05/02/2004	Đức	Đại học Nuertingen-Geislingen - HfWU (Đức)	C893CW8CC	20260013S	CTTT Phân tích Kinh Doanh	18/08/2026 - 01/02/2027
14	Larissa Maria ROBINSON	Nữ	13/06/2005	Đức	Đại học Nuertingen-Geislingen - HfWU (Đức)	C899FVYGW	20260014S	CTTT Phân tích Kinh Doanh	18/08/2026 - 01/02/2027
15	Quirin Benedikt MAIER	Nam	01/02/2005	Đức	Đại học OTH Regensburg (Đức)	CH1H8MGFG	20260015S	Global ICT	07/08/2026 - 01/02/2027
16	Jannic Nikolai SCHWEIZER	Nam	22/12/1991	Đức	Đại học Khoa học ứng dụng Konstanz - HTWG Konstanz (Đức)	C909Y0W4L	20260016S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
17	Jonathan Michel SIXT	Nam	23/10/2000	Đức	Đại học Khoa học ứng dụng Konstanz - HTWG Konstanz (Đức)	C1WPN27LM	20260017S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
18	Jonathan Elias STOLL	Nam	05/11/2003	Đức	Đại học Khoa học ứng dụng Konstanz - HTWG Konstanz (Đức)	C9H2RJCG1	20260018S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
19	Cem KILIC	Nam	13/02/2001	Đức	Đại học Khoa học ứng dụng Konstanz - HTWG Konstanz (Đức)	C91X8R4TZ	20260019S	CTTT Logistics và Quản lý Chuỗi Cung Ứng	18/08/2026 - 01/02/2027
20	Simon Martin LOHMER	Nam	30/04/2000	Đức	Đại học Khoa học ứng dụng Konstanz - HTWG Konstanz (Đức)	C1WPWL1RR	20260020S	CTTT Cơ Điện tử	18/08/2026 - 01/02/2027
21	Tim Oliver MÜLLER	Nam	04/10/1998	Đức	Đại học Khoa học ứng dụng Konstanz - HTWG Konstanz (Đức)	C925TC8HW	20260021S	CTTT Logistics và Quản lý Chuỗi Cung Ứng	18/08/2026 - 01/02/2027
22	Tim SPECKER	Nam	30/08/1999	Đức	Đại học Khoa học ứng dụng Konstanz - HTWG Konstanz (Đức)	C9CJT1NG5	20260022S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
23	Ūla URBŠAITĖ	Nữ	09/08/2005	Lithuanian	Đại học Kỹ thuật Vilnius Gediminas (Lithuania)	26771174	20260023S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
24	Dovydas GELMANAS	Nam	14/11/2004	Lithuanian	Đại học Kỹ thuật Vilnius Gediminas (Lithuania)	25662129	20260024S	Global ICT	18/08/2026 - 01/02/2027
25	Miras ANARKUL	Nam	15/1/2002	Kazakh	Đại học Kỹ thuật Vilnius Gediminas (Lithuania)	N11522186	20260025S	CTTT Hệ thống Điện và Năng lượng tái tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
26	Julia Carla PERIS	Nữ	02/12/2005	Đức	University of Twente (Hà Lan)	C5JF36N4J	20260026S	CTTT Phân tích Kinh Doanh	18/08/2026 - 01/02/2027
27	Ilaria DI MARCO	Nữ	21/05/2005	Ý	Đại học Trento (Ý)	YD1019104	20260027S	CTTT Phân tích Kinh Doanh	18/08/2026 - 01/02/2027
28	Max LAZAR	Nam	16/08/2002	Slo-ven-ni-a	Đại học Ljubljana (Slovenia)	PB1695668	20260028S	Global ICT	18/08/2026 - 01/02/2027
29	Julia FERNÁNDEZ BENAVENTE	Nữ	18/06/2003	Tây Ban Nha	Đại học Bách khoa Catalunya (Tây Ban Nha)	PAS678357	20260029S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
30	Victor GEŚIARZ	Nam	26/10/2003	Ba Lan	Đại học Bách khoa Catalunya (Tây Ban Nha)	ER4177536	20260030S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
31	Josep Oriol VENTURA CEBADA	Nam	12/09/2004	Tây Ban Nha	Đại học Bách khoa Catalunya (Tây Ban Nha)	PAY871143	20260031S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
32	Simon Viktor R.VANDEN AUWEELE	Nam	25/02/2005	Bỉ	Đại học KU Leuven (Bỉ)	GA4168300	20260032S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
33	Tristan Maxence Pierre Celestin Léo Louis-Ferdinand Anthonin COULLET	Nam	05/12/2005	Pháp	Đại học IUT de Béziers (Pháp)	26DF45633	20260033S	CTTT Phân tích Kinh Doanh	18/08/2026 - 05/07/2027
34	Tom Michel Alain MARTIN	Nam	15/01/2006	Pháp	Đại học IUT de Béziers (Pháp)	26DF37995	20260034S	CTTT Logistics và Quản lý Chuỗi Cung Ứng	18/08/2026 - 05/07/2027
35	Nawel DADSI	Nữ	16/12/2004	Pháp	Đại học UVSQ (Pháp)	26CE18342	20260035S	CTTT Kỹ thuật Y sinh	18/08/2026 - 01/02/2027
36	Emilie Emmanuelle Julie ROBERT	Nữ	22/03/2004	Pháp	Đại học UVSQ (Pháp)	26EE48965	20260036S	CTTT Cơ Điện tử	18/08/2026 - 01/02/2027
37	Fanilo Marine RINCÉ	Nữ	27/10/2004	Pháp	Đại học UVSQ (Pháp)	26DE19629	20260037S	CTTT Kỹ thuật Cơ khí	18/08/2026 - 01/02/2027
38	Chloé CUZACQ	Nữ	21/05/2004	Pháp	Đại học UVSQ (Pháp)	24DC68304	20260038S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
39	Andréa Julie GÉLIE	Nữ	13/09/2003	Pháp	Đại học Bách khoa CLERMONT AUVERGNE (Pháp)	26DA07963	20260039S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
40	Aurélien Antoine SAIS	Nam	05/03/2004	Pháp	Đại học Bách khoa CLERMONT AUVERGNE (Pháp)	23AZ07835	20260040S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
41	Vincent DESPIERRES	Nam	10/03/2006	Pháp	Đại học Bách khoa CLERMONT AUVERGNE (Pháp)	25KC08408	20260041S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	16/08/2026 - 01/02/2027
42	Kyan Charles René Roland BEAUBRAS	Nam	04/04/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	26CA42340	20260042S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
43	Lili Marie COLLAS-MORON	Nữ	10/05/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25EC56978	20260043S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	14/08/2026 - 01/02/2027
44	Valérian François Simon LEMOINE	Nam	02/09/2003	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23AV20385	20260044S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
45	Juliette Mariah Simone CARÉ	Nữ	04/01/2007	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23CP33424	20260045S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
46	Lilou Anne-Laure Chloé CAQUELARD	Nữ	16/04/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	24AH98550	20260046S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
47	Lucas RODRIGUES-QUEFFELEC	Nam	26/01/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25ED72947	20260047S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
48	Roméo Erwan Philippe Sylvain NAYT-LANÇON	Nam	05/01/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	26DA61140	20260048S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
49	Juliette Éléonore Jeanne SIMONNIN	Nữ	18/05/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	24EK26899	20260049S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
50	Raphaël Pierre Arthur MAUGERY-VELLA	Nam	27/09/2007	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	22HK29800	20260050S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
51	Ethan Yves CAULLYCHURN	Nam	30/08/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23KK21358	20260051S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
52	Dorian Edouard Pierre ARRACHEPIED	Nam	19/03/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23EF17232	20260052S	CTTT khoa học và kỹ thuật vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
53	Leena DEKEYSER	Nữ	11/07/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23AI39711	20260053S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
54	Théo RIERA GOULET	Nam	04/11/2006	Tây Ban Nha	Đại học IPSA (Pháp)	PAX478838	20260054S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
55	Pham Phuoc-Thiên ABDOULLATTIF	Nam	09/02/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25HF68945	20260055S	CTTT khoa học và kỹ thuật vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
56	Sofiane STA	Nam	16/03/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23FK26576	20260056S	CTTT khoa học và kỹ thuật vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
57	Rayan ZERDAZI	Nam	08/04/2006	An-giê-ri	Đại học IPSA (Pháp)	313088583	20260057S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
58	Mathilde Louise Inès RAFFAELLO	Nữ	07/05/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	26DD30441	20260058S	CTTT khoa học và kỹ thuật vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
59	Hugo Alex CARRETTE	Nam	20/09/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	26DH26977	20260059S	CTTT khoa học và kỹ thuật vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
60	Océane MOREAU	Nữ	19/07/2007	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23EH42434	20260060S	CTTT khoa học và kỹ thuật vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
61	Emilie Sandrine Jocelyne MICHELOT	Nữ	28/06/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25ID94018	20260061S	Global ICT	18/08/2026 - 01/02/2027
62	Louis LÊ-QUANG- BIÊNG	Nam	26/04/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25CF97317	20260062S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
63	Emma Fuxian Gaëtane Brigitte ROUZAUD	Nữ	12/07/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	26DE36738	20260063S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
64	David BENICHOU- BAJ	Nam	19/01/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23AF37166	20260064S	CTTT khoa học và kỹ thuật vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
65	Line DARWICHEH	Nữ	02/08/2006	Li-băng	Đại học IPSA (Pháp)	LR3194274	20260065S	CTTT Cơ Điện tử	18/08/2026 - 01/02/2027
66	Cassidie RENARD	Nữ	07/12/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	26AA39553	20260066S	CTTT khoa học và kỹ thuật vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
67	Damien Jean Stéphane FRANCONVILLE	Nam	26/12/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25FD86185	20260067S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
68	Esteban Alain Patrice VIGNERON	Nam	19/01/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25IC97047	20260068S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
69	Maïlice Justine BAUCHE	Nữ	22/07/2007	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23KH84397	20260069S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
70	Louna Emilie Zoé CALMUS	Nữ	03/02/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25FA02732	20260070S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
71	Birhat SATICI	Nam	25/10/2004	Thổ Nhĩ Kỳ	Đại học IPSA (Pháp)	U29830596	20260071S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
72	Madly LEE-YEN-MEN	Nữ	28/8/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23AL47181	20260072S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
73	Hinatea Adelaïde Souganthi WENDLING	Nữ	17/08/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25ID41407	20260073S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
74	Alexandre Pierre-André BLOCH	Nam	15/09/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	24HE33726	20260074S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
75	Elio LORTHIOIS	Nam	24/05/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25FF32167	20260075S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
76	Tamime ALAM	Nam	14/09/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	22IE26452	20260076S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
77	Paul Lola PERROTEAU	Nam	20/01/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	24AA28400	20260077S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	14/08/2026 - 01/02/2027
78	Clémence Danielle Josette COLLIN	Nữ	04/05/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25KA76229	20260078S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
79	Marius Maurice Jean-Marie ALBRECHT	Nam	16/04/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25HF95694	20260079S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
80	Antoine Eric Maël AMELING	Nam	16/9/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	22HK14764	20260080S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
81	Enzo SIDAMBAROMPOULE	Nam	03/03/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	26CF66015	20260081S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
82	Auguste Jacques Bastien NASS	Nam	30/10/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25DK51431	20260082S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
83	Balthazar Roger Michel DEGROOTE	Nam	07/01/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23DD94261	20260083S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
84	Anael Elyam IMENDASSEN	Nam	11/07/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	24CH69266	20260084S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
85	Nina Marie Laura BIGARRÉ	Nữ	24/07/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23AC09086	20260085S	CTTT Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
86	Tom-Alexandre VESNITCH	Nam	19/07/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	22CI06376	20260086S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
87	Léo CAUSSADE	Nam	29/06/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	24CE79184	20260087S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
88	LEBON-BARRÉ Harry Dominique Hubert	Nam	12/06/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25HK59132	20260088S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
89	Thomas EmmaFeNamel Guy CADET	Nam	8/01/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	24AC36481	20260089S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
90	Yanis Joseph Yves BEN SIMON	Nam	28/01/2004	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23FH27050	20260090S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
91	Iban Alain Serge Philippe HENNES	Nam	30/12/2004	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23DD42118	20260091S	CTTT Hệ thống điện và năng lượng tái tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
92	KOCHER Awen Georges Michel Roger	Nam	16/05/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	25KC22778	20260092S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
93	Hilal ECHOUI	Nam	14/03/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23CR13125	20260093S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
94	Marine Aude TERRIER	Nữ	10/08/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	24DC28533	20260094S	CTTT Điện tử và Viễn thông	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
95	Ève Liliane Anne CASSAN	Nữ	16/07/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	24ED25183	20260095S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
96	Jacques Matthias Eskandar PLICHON	Nam	03/01/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	24DK24417	20260096S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
97	Matthieu Antoine LEFEBVRE	Nam	18/06/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23IF69107	20260097S	Global ICT	18/08/2026 - 01/02/2027
98	Mathis Maxence MICAUD	Nam	09/02/2004	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	26CC50948	20260098S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
99	Lucie Marie Denise PATARD	Nữ	04/02/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	26DE12291	20260099S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
100	Kenza BOUAZA	Nữ	11/12/2003	An-giê-ri	Đại học IPSA (Pháp)	308832578	20260100S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
101	Justine Anne Marion COLLIN	Nữ	18/06/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	22FC00076	20260101S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
102	Audren Daniel Jean LAMBERT	Nam	19/08/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	22KC39317	20260102S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
103	Mélian LERIOUX	Nam	18/08/2004	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	22EA91676	20260103S	CTTT Hệ thống điện và năng lượng tái tạo	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
104	NGUYEN DAO Minh Huy	Nam	14/06/2005	Việt Nam	Đại học IPSA (Pháp)	Q00347635	20260104S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
105	Hana Fidji LESBATS	Nữ	28/01/2005	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23DA44231	20260105S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
106	Elouan Maurice Michel GOURVIL	Nam	04/02/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	26CH61352	20260106S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
107	Anna Marie EZANNO	Nữ	15/12/2006	Pháp	Đại học IPSA (Pháp)	23CR73131	20260107S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
108	Mélina Laetitia Camille BELLOTTI	Nữ	27/05/2006	Pháp	Đại học Khoa học Ứng dụng INSA-Toulouse (Pháp)	26CA26557	20260108S	CTTT Hoá dược	18/08/2026 - 01/02/2027
109	Jeanne Marie Michèle BONAMY-BOUGET	Nữ	24/07/2006	Pháp	Đại học Khoa học Ứng dụng INSA-Toulouse (Pháp)	25ID86355	20260109S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
110	Lisa Maryvonne Monique BECHEMILH	Nữ	11/02/2004	Pháp	Đại học IAE Montpellier (Pháp)	23CF71856	20260110S	CTTT Phân tích Kinh Doanh	18/08/2026 - 01/02/2027
111	Sezen Elisa DUPONT	Nữ	29/07/2004	Pháp	Đại học IAE Montpellier (Pháp)	26EC84294	20260111S	CTTT Phân tích Kinh Doanh	18/08/2026 - 01/02/2027
112	Charlotte CALCAGNO	Nữ	19/03/2004	Pháp	Đại học Bách khoa Grenoble (Pháp)	25HC18736	20260112S	CTTT Truyền thông số và Kỹ thuật đa phương tiện	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
113	Carolina CARVALHO BERNARDO	Nữ	07/08/2003	Bồ Đào Nha	Đại học Bách khoa Grenoble (Pháp)	CF753407	20260113S	CTTT Công nghệ sinh học	18/08/2026 - 01/02/2027
114	Sasha BREYSSE	Nam	10/05/2005	Pháp	Đại học Bách khoa Grenoble (Pháp)	22IA09321	20260114S	CTTT Hệ thống điện và năng lượng tái tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
115	Medea Valentine Annie DELZANT-DE GRANDIS	Nữ	16/02/2004	Pháp	Đại học Bách khoa Grenoble (Pháp)	26CE76988	20260115S	CTTT Hệ thống điện và năng lượng tái tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
116	Quentin Serge Patrick PEYRIÈRE	Nam	14/10/2004	Pháp	Đại học Bách khoa Grenoble (Pháp)	25HH73164	20260116S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
117	Gauthier Bernard Jean FLOCHEL	Nam	10/10/2005	Pháp	Đại học ECAM La Salle (Pháp)	23CH28854	20260117S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
118	Louis Charles Maxime GUINEHUT	Nam	05/08/2005	Pháp	Đại học ECAM La Salle (Pháp)	26AD83245	20260118S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
119	Anaïs Louise LAURENT	Nữ	03/07/2005	Pháp	Đại học ECAM La Salle (Pháp)	26EE94987	20260119S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
120	Arthur Pierre GIRARDOT	Nam	29/08/2005	Pháp	Đại học ECAM La Salle (Pháp)	23DF71336	20260120S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
121	June HUH	Nam	16/06/2002	Hàn Quốc	Đại học ECAM La Salle (Pháp)	M187S4419	20260121S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
122	César Arthur Victor GREGOIRE	Nam	29/01/2005	Pháp	Đại học ECAM La Salle (Pháp)	26DD90095	20260122S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
123	Paul Jean-Marie PERRILLAT-MERCEROT	Nam	10/06/2005	Pháp	Đại học ECAM La Salle (Pháp)	26DH61701	20260123S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
124	Marie-Lou Lanlan Marcelle PHILIPPE	Nữ	10/09/2005	Pháp	Đại học ECAM La Salle (Pháp)	26AH85365	20260124S	CTTT Kỹ thuật Ô tô	18/08/2026 - 01/02/2027
125	Thomas Gilles Michel LESIEUX	Nam	08/09/2004	Pháp	Đại học Bourgogne Europe – UBE (Pháp)	25CA83239	20260125S	CTTT Cơ Điện tử	18/08/2026 - 01/02/2027
126	Lilian BRIAUT	Nam	16/12/2004	Pháp	Đại học Bourgogne Europe – UBE (Pháp)	24IE72902	20260126S	CTTT Cơ Điện tử	18/08/2026 - 01/02/2027
127	Flavie WEITZEL	Nữ	16/01/2003	Pháp	Đại học Bourgogne Europe – UBE (Pháp)	24IK95232	20260127S	CTTT khoa học và kỹ thuật vật liệu	18/08/2026 - 01/02/2027
128	Mathias Yoann Flavien PUCHEU	Nam	14/10/2004	Pháp	Đại học Bourgogne Europe – UBE (Pháp)	23ED25023	20260128S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
129	Raphael Jean Jacques CLISSON	Nam	14/05/2004	Pháp	Đại học Télécom Paris (Pháp)	25DK67523	20260129S	Global ICT	18/08/2026 - 01/02/2027
130	Cléa Marie Manon LEANDRI	Nữ	28/04/2002	Pháp	Đại học Télécom Paris (Pháp)	23EE37045	20260130S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
131	Louis Jean-Pierre Daniel MAILLARD	Nam	05/10/2003	Pháp	Đại học Télécom Paris (Pháp)	25AA10742	20260131S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
132	Juliette Leïa Yona BOLLINI	Nam	29/04/2004	Pháp	Đại học Bách khoa Bordeaux (Pháp)	25LA26300	20260132S	CTTT Truyền thông số và Kỹ thuật đa phương tiện	18/08/2026 - 01/02/2027
133	Jérémy Sylvain Jean- Claude CHAMBRON	Nam	10/08/2004	Pháp	Đại học Bách khoa Bordeaux (Pháp)	26DH65793	20260133S	Global ICT	18/08/2026 - 01/02/2027
134	Louison Margaux PEIGNÉ	Nữ	18/06/2004	Pháp	Đại học Bách khoa Bordeaux (Pháp)	26DF44007	20260134S	CTTT Điện tử Viễn thông	18/08/2026 - 01/02/2027
135	Thibert PELICHET	Nam	26/05/2003	Pháp	Đại học Bách khoa Bordeaux (Pháp)	26CF61758	20260135S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
136	Noémie Julienne TCHOUA	Nữ	15/09/2004	Pháp	Đại học Bách khoa Bordeaux (Pháp)	23FH75981	20260136S	CTTT Kỹ thuật Y sinh	18/08/2026 - 01/02/2027
137	Julien BERNARD	Nam	15/05/2004	Pháp	Đại học Bách khoa Bordeaux (Pháp)	23DF95886	20260137S	CTTT Truyền thông số và Kỹ thuật đa phương tiện	18/08/2026 - 01/02/2027
138	Raphael Pierre BIDAU	Nam	15/05/2004	Pháp	Đại học Mines Nancy – ENSMN (Pháp)	22CK03286	20260138S	CTTT Hệ thống điện và năng lượng tái tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
139	Adrien Mohamed Wack LEFEBVRE	Nam	26/05/2005	Pháp	Đại học Mines Nancy – ENSMN (Pháp)	23EI53971	20260139S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
140	Constance Dominique Marie EVRAT	Nữ	23/07/2005	Pháp	Đại học ESME (Pháp)	26CC30509	20260140S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
141	Paul Elie Noé Thierry BERRIEN	Nam	18/03/2005	Pháp	Đại học ESME (Pháp)	25HH65635	20260141S	CTTT Kỹ thuật Điện tử	18/08/2026 - 01/02/2027
142	Charles Henri Firmin BREMOND	Nam	10/09/2005	Pháp	Đại học ESME (Pháp)	26DD92272	20260142S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
143	Tristan Louis Gabriel PANIÉ-DUJAC	Nam	25/05/2005	Pháp	Đại học ESME (Pháp)	26AF67589	20260143S	CTTT Global ICT	18/08/2026 - 01/02/2027
144	Maxine Patricia Laure RIBES	Nữ	29/10/2005	Pháp	Đại học ESME (Pháp)	23CI89151	20260144S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
145	Hadrien Paul Marie BAUMELOU	Nam	14/08/2004	Pháp	Đại học Télécom SudParis (Pháp)	23KI24224	20260145S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027
146	Charles Martin François SAGON	Nam	15/05/2005	Pháp	Đại học Télécom SudParis (Pháp)	26CC43345	20260146S	CTTT Kỹ thuật Điện tử	18/08/2026 - 01/02/2027
147	Charles Jean Pierre HUSSON	Nam	25/05/2004	Pháp	Đại học Télécom SudParis (Pháp)	26CF87717	20260147S	CTTT Khoa học Dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo	18/08/2026 - 01/02/2027

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Quốc tịch	Trường ĐH gửi đến	Số hộ chiếu	Số hiệu sinh viên được cấp	Chương trình học	Thời gian trao đổi
148	Rayan YAHIAOUI	Nam	12/02/2004	Pháp	Đại học Télécom SudParis (Pháp)	26DD49564	20260148S	CTTT Phân tích Kinh Doanh	18/08/2026 - 01/02/2027
149	Dorian Simon GIROIR	Nam	26/11/2005	Pháp	Đại học UTTOP (Pháp)	25DC17592	20260149S	CTTT Logistics và Quản lý Chuỗi Cung Ứng	18/08/2026 - 01/02/2027
150	Romain Irénée KAZMIERCZAK	Nam	17/04/2005	Pháp	Đại học UTTOP (Pháp)	26AA67670	20260150S	CTTT Cơ điện tử	18/08/2026 - 01/02/2027

Danh sách gồm 150 sinh viên.

